

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 06/4/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà B, số 210, Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số 2A, đường K, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dung là người đại diện hợp pháp theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 12/2021/QĐ-LPB.HCM ngày 26/01/2021.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 278 C, Phường 6 (nay là phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2021, các lời khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có bà Nguyễn Thị Dung là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Lâm Thị T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi là Ngân hàng) theo các Hợp đồng sau:

Khoản vay 1: Hợp đồng tín dụng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016 chi tiết:

- Số tiền vay: 71.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu đồng)
- Dư nợ gốc hiện tại: 5.924.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).
- Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng.
- Lãi suất vay: 14,15%/năm
- Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Không
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Nguồn thu nhập dùng để trả nợ: Từ lương của Bà Lâm Thị T.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lâm Thị T số tiền 71.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 461-16/KU01-HCM ngày 03/10/2016.

Lịch trả nợ :

| Kỳ | Ngày trả nợ | Số tiền trả (VNĐ) |
|--------------|--------------------|-------------------|
| 01 | 01/11/2016 | 1.479.000 |
| 02-47 | Ngày 01 hàng tháng | 1.479.000 |
| 48 (Kỳ cuối) | 02/10/2020 | 1.487.000 |

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 11/2016 đến tháng 6/2020 bà V thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, bà T đã trả được 44 kỳ với tổng số tiền là 83.727.352 đồng, trong đó nợ số tiền nợ gốc là 65.076.000 đồng và tiền nợ lãi là 18.651.352 đồng.

Từ kỳ 45 (tháng 7/2020 cho đến nay) bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, tạm tính đến ngày 22/12/20221 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 7.821.627 đồng; Trong đó nợ gốc là 5.924.000 đồng, lãi trong hạn là 179.095 đồng, lãi quá hạn là 1.718.532 đồng.

Khoản vay 2: Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017 chi tiết:

Số tiền vay: 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng)

Dư nợ gốc hiện tại: 26.790.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)

Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng.

Lãi suất vay: 15,1%/năm

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Không

Thời hạn vay: 60 tháng

Nguồn thu nhập dùng để trả nợ: Từ lương của Bà Lâm Thị T

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lâm Thị T số tiền 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5002017635/01 ngày 23/11/2017.

Lịch trả nợ :

| Kỳ | Ngày trả nợ | Số tiền trả (VNĐ) |
|------------|--------------------|-------------------|
| 01 | 01/12/2017 | 910.000 |
| 02-59 | Ngày 01 hàng tháng | 910.000 |
| 01 Kỳ cuối | 23/11/2022 | 1.310.000 |

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2020 bà T thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, bà T đã trả được 31 kỳ với tổng số tiền là 34.697.084 đồng, trong đó nợ số tiền nợ gốc là 28.210.000 đồng và tiền nợ lãi là 6.487.084 đồng.

Từ kỳ 32 (tháng 11/7/2020 cho đến nay) bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, tạm tính đến ngày 22/12/2021 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 33.004.874 đồng; Trong đó nợ gốc là 26.790.000 đồng, lãi trong hạn là 4.502.183 đồng, lãi quá hạn là 1.336.374 đồng, lãi chậm trả lãi là 376.317 đồng.

Khoản vay 3: Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002018332 ngày 27/06/2018 chi tiết:

Số tiền vay: 87.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu đồng)

Dư nợ gốc hiện tại: 45.370.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng.

Lãi suất vay: 15,1%/năm

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Không

Thời hạn vay: 48 tháng

Nguồn thu nhập dùng để trả nợ: Từ lương của Bà Lâm Thị T

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lâm Thị T số tiền 87.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5002018332/01 và số 5002018332/02 ngày 27/6/2018.

Lịch trả nợ :

| Kỳ | Ngày trả nợ | Số tiền trả (VNĐ) |
|------------|--------------------|-------------------|
| 01 | 01/08/2018 | 1.810.000 |
| 02-47 | Ngày 01 hàng tháng | 1.810.000 |
| 01 Kỳ cuối | 27/06/2022 | 1.930.000 |

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2020 bà T thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, bà T đã trả được 23 kỳ với tổng số tiền là 53.686.515 đồng, trong đó nợ số tiền nợ gốc là 41.630.000 đồng và tiền nợ lãi là 12.056.515 đồng.

Từ kỳ 24 (tháng 11/7/2020 cho đến nay) bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nữa, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, tạm tính đến ngày 22/12/2021 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 55.330.928 đồng; Trong đó nợ gốc là 45.370.000 đồng; lãi trong hạn là 6.615.745 đồng; lãi quá hạn là 2.771.456 đồng; lãi chậm trả lãi 573.727 đồng.

Khoản vay 4: Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019290 ngày 25/07/2019 chi tiết:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)

Dư nợ gốc hiện tại: 77.076.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng.

Lãi suất vay: 15,1%/năm

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Không

Nguồn thu nhập dùng để trả nợ: Từ lương của Bà Lâm Thị T

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã giải ngân cho bà Lâm Thị T số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5002019390/01 và số 5002019390/02 ngày 25/7/2019.

Thời hạn vay: 48 tháng

| Kỳ | Ngày trả nợ | Số tiền trả (VNĐ) |
|-------|--------------------|-------------------|
| 01 | 15/08/2019 | 2.084.000 |
| 02-47 | Ngày 15 hàng tháng | 2.084.000 |

| | | |
|------------|------------|-----------|
| 01 Kỳ cuối | 25/07/2023 | 2.052.000 |
|------------|------------|-----------|

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2020 bà T thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, bà T đã trả được 11 kỳ với tổng số tiền là 32.403.597 đồng, trong đó nợ số tiền nợ gốc là 22.924.000 đồng và tiền nợ lãi là 9.479.597 đồng.

Từ kỳ 12 (tháng 7/2020 cho đến nay) bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, tạm tính đến ngày 22/12/2021 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 97.798.258 đồng; Trong đó nợ gốc là 77.076.000 đồng; lãi trong hạn là 13.470.525 đồng; lãi quá hạn là 6.166.421 đồng; lãi chậm trả lãi 1.085.312 đồng.

Ngoài các Hợp đồng tín dụng nêu trên, phía Ngân hàng TMCP A và bà Lâm Thị T còn ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019274 ngày 12/07/2019. Hợp đồng này là hợp đồng thấu chi, cho phép khách hàng chi hoặc rút tiền mặt không quá 84.000.000 đồng.

Dư nợ gốc hiện tại: 83.987.304 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn đồng*)

Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Không

Lãi suất vay: 12,7%/năm

Nguồn thu nhập dùng để trả nợ: Từ lương của Bà Lâm Thị Thanh Tuyền

Thời hạn vay: 12 tháng (Kể từ ngày 12/07/2019 đến ngày 11/07/2020).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lâm Thị T đã rút tiền mặt với số tiền 83.987.304 đồng và bà T không trả được đồng nào cho phía Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 22/12/2021 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền là 116.757.822 đồng, trong đó nợ gốc là 83.987.304 đồng và nợ lãi trong hạn là 8.394.696 đồng, lãi quá hạn là 23.144.600 đồng; lãi chậm trả lãi 1.231.222 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký, nên ngày ngày 11/07/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ các khoản vay của bà T sang nợ quá hạn.

Do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016; Hợp đồng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002018332 ngày 27/6/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019290 ngày 25/7/2019 và HĐTD5002019274 ngày

12/7/2019, tạm tính đến ngày 22/12/2021 là: 310.713.509 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười triệu bảy trăm mười ba nghìn năm trăm lẻ chín đồng*); trong đó nợ gốc là 239.147.304 đồng; lãi trong hạn 33.162.244 đồng; lãi quá hạn 35.137.383; lãi chậm trả lãi 3.266.578 đồng yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà Lâm Thị T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký.

Khi ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chỉ một mình bà Lâm Thị T ký, do đó phía Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà T phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký, ngoài ra phía Ngân hàng không yêu cầu thêm người nào khác cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà T.

Bị đơn Lâm Thị T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bà T vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà Tuyền.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có bà Nguyễn Thị Dung là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ lãi chậm trả lãi trong Hợp đồng tín dụng số 461-16/HDTD-HCM ngày 03/10/2016 với số tiền là 8.829 đồng (*Bằng chữ: Tám ngàn tám trăm hai mươi chín đồng*).

2. Yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền còn nợ tại các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 06/4/2022 với số tổng tiền là 323.286.913 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm mười ba đồng*), trong đó nợ gốc là 239.147.304 đồng; lãi trong hạn 35.797.537 đồng và lãi quá hạn 44.091.332 đồng; lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng, cụ thể từng hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 461-16/HDTD-HCM ngày 03/10/2016: Tạm tính đến ngày 06/4/2022 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 8.188.162 đồng, trong đó:

Vốn gốc: 5.924.000 đồng.

Lãi trong hạn: 179.425 đồng.

Lãi quá hạn: 2.084.737 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017: Tạm tính đến ngày 04/4/2022 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 34.116.675 đồng trong đó:

Vốn gốc: 26.790.000 đồng.

Lãi trong hạn: 4.924.396 đồng.

Lãi quá hạn: 1.891.095 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 511.184 đồng

3. Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002018332 ngày 27/06/2018: Tạm tính đến ngày 06/4/2022 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 57.079.147 đồng trong đó:

Vốn gốc: 45.370.000 đồng.

Lãi trong hạn: 7.019.376 đồng.

Lãi quá hạn: 3.921.872 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 767.899 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019290 ngày 25/07/2019: Tạm tính đến ngày 06/4/2022 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 102.297.643 đồng, trong đó:

Vốn gốc: 77.076.000 đồng.

Lãi trong hạn: 15.279.644 đồng.

Lãi quá hạn: 8.446.409 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 1.495.590 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019274 ngày 12/07/2019: Tạm tính đến ngày 06/4/2022 bà Lâm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 121.605.286 đồng, trong đó:

Vốn gốc: 83.987.304 đồng.

Lãi trong hạn: 8.394.696 đồng.

Lãi quá hạn: 27.747.219 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 1.476.067 đồng.

Ngoài ra bà Lâm Thị T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/4/2022 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

Bị đơn bà Lâm Thị T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện bị đơn bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ của các Hợp đồng tín dụng (tạm tính đến ngày 06/4/2022) là: 323.286.913 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm mười ba đồng*), trong đó nợ gốc là 239.147.304 đồng; lãi trong hạn 35.797.537 đồng và lãi quá hạn 44.091.332 đồng; lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an phường 6 (nay là phường Võ Thị Sáu, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3) thể hiện: “Đ/S *Lâm Thị T (Sn 18/3/1981) có hộ khẩu thường trú tại 278 C, P. Võ Thị Sáu (P6 cũ), Q.3, TP.HCM nhưng từ lâu không còn thực tế cư trú tại địa phương (nhà cho thuê?); hiện cư trú tại: 358/2/36 T, P.10, Q.3, TP.HCM.*”.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 10, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “*Tại địa chỉ 358/2/36 T, P10, Q.3 không có ai tên Lâm Thị T, Sn 1981 đăng ký thường trú hoặc tạm trú*”.

Căn cứ các kết quả xác minh trên cho thấy bị đơn bà Lâm Thị T đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của bị đơn được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Lâm Thị T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị T.

[2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có rút lại yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu bà Lâm Thị T thanh toán tiền lãi chậm trả lãi trong Hợp đồng tín dụng số 461-16/HDTD-HCM ngày 03/10/2016 là: 8.829 đồng (*Bằng chữ: Tám*

ngàn tám trăm hai mươi chín đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu buộc bà Lâm Thị T thanh toán toàn bộ số nợ của các Hợp đồng tín dụng (tạm tính đến ngày 06/4/2022) là: 323.286.913 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm mười ba đồng*), trong đó nợ gốc là 239.147.304 đồng; lãi trong hạn 35.797.537 đồng và lãi quá hạn 44.091.332 đồng; lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng. Ngoài ra bà Lâm Thị T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/4/2022 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 2000LAV201303565 ngày 28/05/2013; HĐTD số: 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016; hợp đồng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017; HĐTD5002018332 ngày 27/6/2018; HĐTD5002019290 ngày 25/07/2019 và HĐTD5002019274 ngày 12/07/2019 có chữ ký xác nhận của bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và bên vay là bà Lâm Thị T có đủ cơ sở để xác định bà Lâm Thị T có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lâm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện số nợ phát sinh từ quan hệ tín dụng là 239.147.304 đồng.

Căn cứ các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 461-16/KU04-HCM ngày 03/10/2016; số 5002017635/01 ngày 23/11/2017; số HĐTD5002018332/01, số HĐTD5002018332/02 cùng ngày 27/6/2018 và số HĐTD5002019290/01, HĐTD5002019290/02 cùng ngày 25/7/2019 thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã giải ngân đủ số tiền vay cho bà T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lâm Thị T không thanh toán đầy đủ nợ gốc, do đó ngày 11/7/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của bà T tại các hợp đồng sang nợ quá hạn.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 5.2 Điều 5 các Hợp đồng tín dụng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016, hợp đồng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016; Hợp đồng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002018332 ngày 27/6/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019290 ngày 25/7/2019 và HĐTD5002019274 ngày 12/7/2019 qui định “*Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn*

và không được bên cho vay điều chỉnh kỳ trả nợ hoặc gia hạn nợ, số dư nợ gốc mà khách hàng không trả đúng sẽ chuyển sang nợ quá hạn..... ”

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*.

Xét Bị đơn – bà Lâm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng. Do đó việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc của các hợp đồng tín dụng nêu trên (tạm tính đến ngày 06/4/2022) số tiền 323.286.913 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm mười ba đồng*) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 06/4/2022) là 84.139.609 trong đó: Lãi trong hạn 35.797.537 đồng; lãi quá hạn 44.091.332 đồng và lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng. Ngoài ra bà Lâm Thị T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/4/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự: *“... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”*.

Căn cứ khoản 5.2 Điều 5 các Hợp đồng tín dụng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016, hợp đồng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017, HĐTD5002018332 ngày 27/6/2018, HĐTD ngày 25/7/2019 và HĐTD ngày 12/7/2019, qui định: *“Trước ngày cuối cùng của kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Đề nghị gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho bên vay. Nếu không đồng ý cho gia hạn thì bên vay sẽ chuyển sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn”* và *“Lãi suất nợ chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%”*.

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc bị đơn bà Lâm Thị T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 06/4/2022) là 84.139.609 trong đó: Lãi trong hạn 35.797.537 đồng; lãi quá hạn 44.091.332 đồng và lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng và buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng từ ngày 07/4/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1.1 Buộc bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền: 323.286.913 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm mười ba đồng*), trong đó:

Nợ gốc là 239.147.304 đồng;

Lãi trong hạn 35.797.537 đồng;

Lãi quá hạn 44.091.332 đồng;

Lãi chậm trả lãi 4.250.740 đồng;

Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lâm Thị T còn chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 461-16/HĐTD-HCM ngày 03/10/2016; Hợp đồng số HĐTD5002017635 ngày 23/11/2017, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002018332 ngày 27/6/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD5002019290 ngày 25/7/2019 và HĐTD5002019274 ngày 12/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc yêu cầu bà Lâm Thị T thanh toán tiền lãi chậm trả lãi là: 8.829 đồng (*Bằng chữ: Tám ngàn tám trăm hai mươi chín đồng*).

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.164.346 đồng (*Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền án phí đã tạm nộp là 6.809.535 đồng (*Sáu triệu tám trăm lẻ chín ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0032900 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lâm Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hoa